

Số: 282/TB-TTYT

Hoàn Kiếm, ngày 24 tháng 4 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm thông báo lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Như sau:

**1. Đơn vị có tài sản đấu giá:** Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm;

Địa chỉ: 47 Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

**2. Thông tin về tài sản đấu giá:** Máy móc, thiết bị y tế đã qua sử dụng cũ, hỏng có giá khởi điểm: 17,282,400 đồng. ( Mười bảy triệu, hai trăm tám hai ngàn, bốn trăm đồng )

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:** Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm 2 tiêu chí: Tiêu chí bắt buộc và các nhóm tiêu chí để chấm điểm:

**a) Tiêu chí bắt buộc:**

- Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố - Đủ điều kiện

- Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố - Không đủ điều kiện.

**b) Tiêu chí chấm điểm:**

Theo Phụ lục kèm theo thông báo này. Một số tiêu chí trong phụ lục cách thức đánh giá, chấm điểm như sau:

**\* Đối với tiêu chí có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử ....) trụ sở có đủ diện tích làm việc:** Điểm tối đa 5 điểm, cách thức đánh giá, chấm điểm như sau:

- **Tiêu chí có trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử ...):** Tổ chức hành nghề đấu giá cung cấp đầy đủ thông tin theo tiêu chí này, tài liệu chứng minh đã hoạt động ổn định tại địa chỉ trụ sở này tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn từ 30 tháng trở lên được chấm 2 điểm; các trường hợp còn lại được chấm 1 điểm.

- **Tiêu chí Trụ sở có đủ diện tích làm việc bao gồm:**

+ Diện tích sử dụng chung (Diện tích nơi bán và tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá, Diện tích phòng đấu giá, Diện tích phòng làm việc chung ....): Mỗi phòng có tối thiểu 20 m<sup>2</sup>

+ Diện tích chuyên dùng (kho lưu trữ hồ sơ ...): Tối thiểu 15 m<sup>2</sup>

+ Diện tích làm việc cho các chức danh (đấu giá viên....): Tối thiểu 7m<sup>2</sup>/đấu giá viên.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp hình ảnh, tài liệu chứng minh và trình bày đầy đủ nội dung này được chấm 3 điểm, các trường hợp khác được chấm 1 điểm.



**\* Đối với tiêu chí Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận lợi:** Điểm tối đa 5 điểm, cách chấm như sau: Địa chỉ trụ sở ở mặt phố hoặc trong các khu đô thị: được chấm 5 điểm; Các trường hợp khác được chấm 2 điểm.

**\* Đối với tiêu chí Phương án đấu giá khả thi hiệu quả** nêu tại Mục III Phụ lục kèm theo, tổ chức hành nghề đấu giá phải nêu đầy đủ theo yêu cầu dưới đây và số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

+ Trình bày đầy đủ nội dung phương án đấu giá; Số điểm được tính tối đa 06 điểm.

+ Chứng minh tính khả thi, hiệu quả của phương án đã trình bày bằng thực tiễn đã thực hiện thành công trong năm trước liền kề và đề xuất phương án đấu giá, khả thi hiệu quả phù hợp với tài sản đấu giá của Đơn vị có tài sản đấu giá. Số điểm được tính tối đa 10 điểm.

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá**

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 03 ngày làm việc (trong giờ hành chính) kể từ khi đăng thông báo.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức – Hành Chính - Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm, Địa chỉ: 47 Hàng Bò, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội;

#### **Lưu ý:**

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá nộp trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện hoặc trung gian. Người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và giấy tờ tùy thân.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn.

Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm trân trọng thông báo.

#### **Nơi nhận:**

- Công khai tại Website Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT.



**Đoàn Văn Việt**

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
*(Kèm theo Thông báo số 182 ngày 21 / 4 /2025 của Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm)*

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                       | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                      |                    |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                 | Đủ điều kiện       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                           | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                          | <b>19,0</b>        |
| 1.         | <i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                 | <i>10,0</i>        |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                    | 5,0                |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                           | 5,0                |
| 2.         | <i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                       | <i>5,0</i>         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                     | 2,0                |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                     | 3,0                |
| 3.         | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br><br>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2,0                |
| 4.         | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                               | 1,0                |
| 5.         | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                   | 1,0                |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                   | <b>16,0</b>        |
| 1.         | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số                                                                                                                                                                                                                 | 4,0                |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     | <i>vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>                                                                                                                                                                                                                                             |             |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0         |
| 2.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>                                                                                                                                         | 4,0         |
| 3.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>                                                                                                                                                                                       | 4,0         |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                                                                                                                                               | 2,0         |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                | 2,0         |
| 4.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>                                                                                                                                | 4,0         |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>57,0</b> |
| 1.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                        | 15,0        |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                     | 12,0        |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                              | 13,0        |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                              | 14,0        |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                               | 15,0        |
| 2.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                         | 7,0         |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                                                                                                                                       | 4,0         |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0         |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                  | 6,0         |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                         | 7,0         |
| 3.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0         |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0         |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                              | 5,0         |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                              | 6,0         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7,0 |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                        |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$                                                                                                                                                                               |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                               | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7,0 |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0 |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số</b>                                                                                                                                                                                       | 4,0 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <i>05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                               |     |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0 |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0 |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)                                                                                                                          | 8,0 |
| 1.  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá tối thiểu 50 hợp đồng và trong đó có:<br>- Tối thiểu 02 cuộc đấu giá có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0 |

10/01/2010  
ÂN  
I.ÊN  
V

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | <p>giá và giá khởi điểm từ 500% trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 05 cuộc đấu giá có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 300% đến dưới 500%.</li> <li>- Tối thiểu 05 cuộc đấu giá có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 150% đến dưới 300%.</li> </ul> <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các thành phần tiêu chí này mới đạt 3,0 điểm, nếu thiếu một trong các thành phần tiêu chí này sẽ không tính điểm.</li> <li>- Tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản</li> </ul> |            |
| 2.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0        |
| 3.                  | <p>Tiêu chí khác (<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có đầy đủ các thành phần tiêu chí này mới đạt 3 điểm, nếu thiếu 1 trong các thành phần tiêu chí này sẽ không tính điểm</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố đầy đủ nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông báo về việc thay đổi hoạt động (nếu có) cho cơ quan quản lý biết trong thời hạn quy định (theo quy định tại Điều 36 Luật Quản lý thuế 2019)</li> <li>- Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá tài sản thành công (tối thiểu 60 hợp đồng) cho các tổ chức/cơ sở giáo dục công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế. (có bảng kê chi tiết kèm theo)</li> </ul>                                                                       | 3,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>100</b> |